TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VƯC 5- THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 03/2025/QĐCNHGT-DS	*Thanh Hóa, ngày 29 tháng 8 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của ông Trần Hoàng Th và bà Đồng Thị T với bà Phạm Thị Th.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đề ngày 02 tháng 07 năm 2025 của ông Trần Hoàng Th và bà Đồng Thị T.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 13 tháng 8 năm 2025 về việc thỏa Th giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- Ông Trần Hoàng Th , SN 1972 và bà Đồng Thị T, SN 1975

Địa chỉ: Thôn T P, xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tống Văn Th, SN 1987

Địa chỉ: Thôn T L, xã Hoa Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

- Bà Phạm Thị Th, SN 1975.

Địa chỉ: Thôn T T, xã Vạn Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 13 tháng 8 năm 2025 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 13 tháng 8 năm 2025, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 06/3/2018 (Dương lịch) bà Phạm Thị Th vay của ông Trần Hoàng Th và bà Đồng Thị T số tiền là 300.000.000 đồng; Lần hai: Ngày 16/3/2018 (Dương lịch) bà Phạm Thị Th vay của ông Trần Hoàng Th và bà Đồng Thị T số tiền là 100.000.000 đồng. Tổng cộng hai lần vay là 400.000.000đ, khi vay hai bên không thống nhất thời gian trả nợ và không thỏa Th về lãi suất.

Năm 2020 ông Th và bà T hỏi nợ bà Th không trả nợ, nên ông Th và bà T khởi kiện yêu cầu bà Th trả nợ số tiền nợ là 400.000.000đ , không yêu cầu tính lãi.

Các đương sự thỏa Th:

Bà Th có trách nhiệm trả nợ số tiền 400.000.000 đồng tiền gốc cho ông Th và bà T, ông Th và bà T không yêu cầu trả lãi.

Phương thức và thời hạn trả nợ:

Lần 1: Từ ngày 13/8/2025 đến ngày 13/9/2025 trả số tiền 100.000.000 đồng;

Lần 2: Từ ngày 14/9/2025 đến ngày 14/10/2025 trả số tiền 100.000.000 đồng;

Lần3: Từ ngày 15/10/2025 đến ngày 15/11/2025 trả số tiền 100.000.000 đồng;

Lần 4: Từ ngày 16/11/2025 đến ngày 16/12/2025 trả số tiền 100.000.000 đồng;

Trường hợp bà Th không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên (trong bất kỳ lần trả nợ nào) thì ông Th và bà T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thi hành toàn bộ đối với số tiền còn nợ.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các bên tham gia hòa giải;*
- *VKSND Khu vực 5;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *THADS tỉnh Thanh Hóa;*
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Lưu TA.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Chuyên

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-QĐHG:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN THÀNH PHỐ HÀ NỘI). Tòa án cấp tỉnh để riêng một dòng (trong ví dụ trên thì THÀNH PHỐ HÀ NỘI để riêng một dòng); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định, ô thứ ba ghi lĩnh vực tranh chấp (ví dụ: Số: 02/2021/QĐCNHGT-KDTM).

(3) Ghi họ và tên của người yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện yêu cầu giải quyết.

(5) Ghi tên của người khởi kiện. Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên của người đó và tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức đó.

(6) Ghi tên, địa chỉ của các bên tham gia hòa giải, người đại diện, người phiên dịch (nếu có); Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó. Đối với người đại diện thì ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người được đại diện; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn "văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A; cư trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).
Ví dụ 2: Bà Lê Thị B; cư trú tại... là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (Văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...).
(7) Ghi đầy đủ, lần lượt các thoả Th của các bên tham gia hòa giải về từng vấn đề đã được thể hiện trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải.